

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2021/QĐST-DS

Ô Môn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 110/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đàm Thị Kim C**, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Số X đường N, phường T, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trịnh Hoàng K**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số U đường C, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. *(văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019)*

Bị đơn:

1/ Ông **Vương Văn K1**, sinh năm 1969.

2/ Ông **Vương Văn T**, sinh năm 1967.

3/ Ông **Vương Văn Tr**, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1934.

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm

1951.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện L, thành phố Cần Thơ. (*văn bản ủy quyền ngày 31/12/2013*)

5/ Ông **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà **Phan Thị Ng**, sinh năm 1934. (đã chết năm 2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ng:

- Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Phan Văn T2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

7/ Ông **Phùng Văn M**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

8/ Bà **Lê Thị E**, sinh năm 1945 (đã chết năm 2015).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E: Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1974.

9/ Ông **Vương Văn T3**, sinh năm 1966.

10/ Ông **Nguyễn Phước T4**, sinh năm 1973.

11/ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990.

12/ Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1971.

13/ Ông **Nguyễn Văn T5**, sinh năm 1963.

14/ Ông **Phùng Văn K2**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Vương Văn K1):

- Bà **Huỳnh Thị Ch**, sinh năm 1970.

- Bà **Vương Thị Ánh Ng1**, sinh năm 1989.

- Ông **Vương Trung S**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Vương Văn T và ông

Vương Văn T3):

- Bà **Lưu Thị Mỹ P1**, sinh năm 1970.
- Bà **Vương Thị Mỹ D2**, sinh năm 1995.
- Ông **Vương Minh L1**, sinh năm 1998.
- Ông **Vương Văn L2**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Vương Văn Tr):

- Bà **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1960.
- Bà **Vương Thị K3**, sinh năm 1987.
- Ông **Vương Đăng Kh**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn N):

- Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980.
- Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1982.
- Bà **Nguyễn Thị Phương Th1**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Nguyễn Văn D1):

- Bà **Lê Thị Th2**, sinh năm 1967.
- Bà **Nguyễn Thị Bé Th3**, sinh năm 1992.
- Ông **Nguyễn Thành Th4**, sinh năm 1997.
- Bà **Phan Thị Ca Th5**, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Phan Văn L):

- Bà **Trần Như Vạn K4**, sinh năm 1965.
- Ông **Trần Thành V**, sinh năm 1985.
- Bà **Bùi Vũ Phương Thùy D3**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Phan Văn T2**, sinh năm 1968.
- Bà **Lê Thị Th6**, sinh năm 1970.
- Bà **Phan Thị Kim C1**, sinh năm 1992.
- Bà **Phan Thị Kim T6**, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Phùng Văn M):

- Bà **Hồ Thị Th7**, sinh năm 1954.
- Ông **Phùng Quốc G**, sinh năm 1989.
- Ông **Phùng Quốc D3**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Nguyễn Thanh H):

- Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1975.
- Ông **Nguyễn Hoàng V1**, sinh năm 1993.
- Ông **Nguyễn Thanh T7**, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Nguyễn Văn T5):

- Bà **Phạm Thị T8**, sinh năm 1962.
- Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1982.
- Bà **Lê Thị Th8**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (hộ ông Phùng Văn K2):

- Bà **Phùng Thị Th9**, sinh năm 1957.
- Bà **Nguyễn Thị Ánh Ng2**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn đồng ý ổn định cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tiếp tục sử dụng diện tích đất thực tế các đương sự đang sử dụng. Trong đó có 300m² đất thổ cư được chia đều cho 18 vị trí đất hiện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sử dụng được thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 23/11/2020 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn đồng ý ổn định cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được sử dụng phần đường nội bộ có diện tích 76,8m² tại vị trí C và diện tích 142m² tại vị trí F. Nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả giá trị đất đối với vị trí C và vị trí F.

Ông Vương Văn K1, ông Vương Văn T, ông Nguyễn Văn D1 và ông Phan Văn L đồng ý trả cho bà C giá trị đất là 400.000 đồng/m² (*Bốn trăm nghìn đồng*) bao gồm giá trị đất thổ cư (ODT) và đất trồng cây lâu năm (CLN) tại các vị trí A, B, G và H.

Ông Vương Văn Tr đồng ý trả giá trị đất cho bà C với 02 mức giá cụ thể:

diện tích 200m² có giá trị là 400.000 đồng/m² (*Bốn trăm nghìn đồng*); diện tích đất 318,3m² giá trị là 250.000 đồng/m² (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) (bao gồm cả 02 vị trí D và R, tổng diện tích 518,3m²).

Bà Trần Thị D (ủy quyền cho ông T1) tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn V sử dụng phần đất tại vị trí E, đồng thời, ông V chịu trách nhiệm trả cho bà C giá trị đất là 400.000 đồng/m² (*Bốn trăm nghìn đồng*) bao gồm giá trị đất thổ cư (ODT) và đất trồng cây lâu năm (CLN).

Các bị đơn ông Phùng Văn M, ông Lê Văn Th, ông Vương Văn T3, ông Nguyễn Phước T4, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn T5, ông Vương Văn T, ông Vương Văn K1, ông Nguyễn Văn D1 và ông Phùng Văn K2 trả cho nguyên đơn giá trị đất là 250.000 đồng/m² (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) bao gồm giá trị đất thổ cư (ODT) và đất trồng cây lâu năm (CLN) tại các vị trí I, J, K, L, M, N, O, P, Q, S và T.

*** Vị trí đất từng người được ổn định sử dụng và giá trị đất mỗi người tự nguyện trả cho bà Đàm Thị Kim C cụ thể như sau:**

- Ông Vương Văn K1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 211,1m² (33,32m² đất ODT và 177,78 đất CLN) tại vị trí A và diện tích đất 114,5m² (CLN) tại vị trí Q. Đồng thời, ông K1 trả cho bà C tổng số tiền 113.065.000 đồng (*Một trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Vương Văn T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 188m² (16,66m² đất ODT và 171,34 đất CLN) tại vị trí B và diện tích đất 269,8m² (16,66m² đất ODT và 253,14 đất CLN) tại vị trí P. Đồng thời, ông T trả cho bà C tổng số tiền 142.650.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ông Vương Văn Tr được tiếp tục sử dụng diện tích đất 432,5m² (33,32m² đất ODT và 399,18 đất CLN) tại vị trí D và diện tích đất 85,8m² (CLN) tại vị trí R. Đồng thời, ông Tr trả cho bà C tổng số tiền 159.575.000 đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn V được tiếp tục sử dụng diện tích đất 222,3m² (16,66m² đất ODT và 205,64 đất CLN) tại vị trí E. Đồng thời, ông V trả cho bà C số tiền 88.920.000 đồng (*Tám mươi tám triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn D1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 216,1m² (16,66m² đất ODT và 199,44 đất CLN) tại vị trí G và diện tích đất 196m²

(16,66m² đất ODT và 179,34 đất CLN) tại vị trí S. Đồng thời, ông D1 trả cho bà C tổng số tiền 135.440.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Ông Phan Văn L được tiếp tục sử dụng diện tích đất 115,1m² (16,66m² đất ODT và 98,44 đất CLN) tại vị trí H. Đồng thời, ông L trả cho bà C số tiền 46.040.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Ông Phùng Văn M được tiếp tục sử dụng diện tích đất 78,4m² (16,66m² đất ODT và 61,74 đất CLN) tại vị trí I. Đồng thời, ông Phùng Văn M trả cho bà C số tiền 19.600.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

- Ông Lê Văn Th được tiếp tục sử dụng diện tích đất 58,9m² (16,66m² đất ODT và 42,24 đất CLN) tại vị trí J. Đồng thời, ông Th trả cho bà C số tiền 14.725.000 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Vương Văn T3 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 75m² (16,66m² đất ODT và 58,34 đất CLN) tại vị trí K. Đồng thời, ông T3 trả cho bà C số tiền 18.750.000 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Phước T4 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 80,8m² (16,78m² đất ODT và 64,02 đất CLN) tại vị trí L. Đồng thời, ông T4 trả cho bà C số tiền 20.200.000 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn N được tiếp tục sử dụng diện tích đất 87,6m² (16,66m² đất ODT và 70,94 đất CLN) tại vị trí M. Đồng thời, ông N trả cho bà C số tiền 21.900.000 đồng (*Hai mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Thanh H được tiếp tục sử dụng diện tích đất 178,1m² (16,66m² đất ODT và 161,44 đất CLN) tại vị trí N. Đồng thời, ông H trả cho bà C số tiền 44.525.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn T5 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 197m² (16,66m² đất ODT và 180,34 đất CLN) tại vị trí O. Đồng thời, ông T5 trả cho bà C số tiền 49.250.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ông Phùng Văn K2 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 146,4m² (16,66m² đất ODT và 129,74 đất CLN) tại vị trí T. Đồng thời, ông K1 trả cho bà C số tiền 36.600.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Việc giao nhận tiền được thực hiện vào ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, các đương sự gồm ông Vương Văn K1, ông Vương Văn T, ông Vương Văn Tr, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn D1, ông Phan Văn L, ông Phùng Văn M, ông L Văn Th, ông Vương Văn T3, ông Nguyễn Phước T4, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn T5 và ông Phùng Văn K2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. *(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 23/11/2020 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).*

Toàn bộ phần đất trên thuộc thửa số 1195, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02889 cấp ngày 02/4/2008 do bà Đàm Thị Kim C đứng tên. Đất tọa lạc tại khu vực Thới Bình, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Thành viên hộ ông Vương Văn K1: Bà Huỳnh Thị Ch, bà Vương Thị Ánh Ng1 và ông Vương Trung S.

- Thành viên hộ ông Vương Văn T và ông Vương Văn T3: Bà Lưu Thị Mỹ P1, bà Vương Thị Mỹ D2, ông Vương Minh L1 và ông Vương Văn L2.

- Thành viên hộ ông Vương Văn Tr: Bà Nguyễn Ngọc Th, bà Vương Thị K3 và ông Vương Đăng Kh.

- Thành viên hộ bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn N: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều O và bà Nguyễn Thị Phương Th1.

- Thành viên hộ ông Nguyễn Văn D1: Bà Lê Thị Th2, bà Nguyễn Thị Bé Th3, ông Nguyễn Thành Th4 và bà Phan Thị Ca Th5.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ng: Bà Phan Thị P và ông Phan Văn T2.

- Thành viên hộ ông Phan Văn L: Bà Trần Như Vạn K4, ông Phan Văn T2, bà Lê Thị Th6, ông Trần Thành V, bà Phan Thị Kim C1, bà Phan Thị Kim T6 và bà Bùi Vũ Phương Thùy D3.

- Thành viên hộ ông Phùng Văn M: Bà Hồ Thị Th7, ông Phùng Quốc G và ông Phùng Quốc D3.

- Thành viên hộ ông Nguyễn Thanh H: Bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng V1 và ông Nguyễn Thanh T7.

- Thành viên hộ ông Nguyễn Văn T5: Bà Phạm Thị T8, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Th8.

- Thành viên hộ ông Phùng Văn K2: Bà Phùng Thị Th9 và bà Nguyễn Thị Ánh Ng2.

Tất cả các đương sự nêu trên đều thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận của bà Đàm Thị Kim C (có đại diện là ông Trịnh Hoàng K) với ông Vương Văn K1, ông Vương Văn T, ông Vương Văn Tr, bà Trần Thị D (có đại diện là ông Nguyễn Văn T1), ông Nguyễn Văn D1, ông Phan Văn L, ông Phùng Văn M, ông Lê Văn Th, ông Vương Văn T3, ông Nguyễn Phước T4, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn T5 và ông Phùng Văn K2. Ngoài ra, các đương sự không có ý kiến khác.

*** Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:** Bà Đàm Thị Kim C đã tạm nộp số tiền 20.355.000 đồng (*Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Phước T4 đã nộp số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Đã chi hết toàn bộ số tiền trên cho 04 lần thẩm định và định giá tài sản. Các đương sự tự nguyện chịu chi phí này.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn và bị đơn - Mỗi bên đương sự phải chịu 50% án phí. Riêng bà Đàm Thị Kim C, ông Vương Văn Tr và ông Phùng Văn M là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vương Văn K1 phải nộp số tiền 1.413.000 đồng (*Một triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*).

- Ông Vương Văn T phải nộp số tiền 1.783.000 đồng (*Một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn D1 phải nộp số tiền 1.693.000 đồng (*Một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn V phải nộp số tiền 1.111.500 đồng (*Một triệu một trăm mười một nghìn năm trăm đồng*).

- Ông Phan Văn L phải nộp số tiền 575.500 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*).

- Ông Lê Văn Th phải nộp số tiền 184.000 đồng (*Một trăm tám mươi*

bốn nghìn đồng).

- Ông Vương Văn T3 phải nộp số tiền 234.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Phước T4 phải nộp số tiền 252.500 đồng (*Hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Văn N phải nộp số tiền 274.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Thanh H phải nộp số tiền 556.500 đồng (*Năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Văn T5 phải nộp số tiền 616.000 đồng (*Sáu trăm mười sáu nghìn đồng*).

- Ông Phùng Văn K2 phải nộp số tiền 457.500 đồng (*Bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

*** Về tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Đàm Thị Kim C được nhận lại số tiền 7.652.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 000138 ngày 05/12/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế